

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	Môn thi	Điểm vnedu	Điểm phúc khảo	Ghi chú
1	nguyễn gia bảo	11A8	110035	Địa lí	4,7	4,7	
2	Nguyễn Thị Huyền Diệu	11A8	110052	Địa lí	5,9	5,9	
3	Nguyễn Hà Giang	11A9	110084	Địa lí	7,8	7,8	
4	Trần Hoa Ngọc Hà	11A9	110087	Địa lí	6,3	6,3	
5	nguyễn thị hoàng mai	11A5	110171	Địa lí	3,7	3,7	Tô sai SBD trừ 50% điểm
6	Ngô Thị Thúy Ngân	11A1	110187	Địa lí	4,6	4,6	
7	Đỗ Quỳnh Như	11A9	110230	Địa lí	7,8	7,8	
8	Nguyễn Minh Quang	11A6	110258	Địa lí	6,8	6,8	
9	Đặng Bảo Thi	11A9	110281	Địa lí	7,3	7,3	
10	Trần Thị Minh Thư	11A6	110303	Địa lí	6,5	6,5	
11	Phạm Thị Hà Vi	11A1	110355	Địa lí	chưa có	0	
12	Nguyễn Gia Bảo	11A8	110035	GD KT&PL	4,5		
13	Nguyễn Thị Huyền Diệu	11A8	110052	GD KT&PL	5		
14	Nguyễn Hà Giang	11A9	110084	GD KT&PL	6,3		
15	Bùi Thị Hoàng Linh	11A8	110146	GD KT&PL	5,6		
16	Hoàng Nguyễn Khánh Ly	11A8	110167	GD KT&PL	5,9		
17	Nguyễn Thảo Ngân	11A8	110189	GD KT&PL	3,6		
18	Lê Thị Khánh Nhi	11A8	110219	GD KT&PL	3,6		
19	Phạm Nguyễn Quỳnh Như	11A9	110236	GD KT&PL	3,6		
20	Nguyễn Hà Anh Thư	11A8	110300	GD KT&PL	4,9		
21	Phạm Anh Thư	11A7	110301	GD KT&PL	4,6		
22	Trương Thị Thu Trang	11A9	110323	GD KT&PL	5,3		
23	Lê Thái Huyền Trâm	11A8	110325	GD KT&PL	6,8		
24	Đào Thị Thanh Trúc	11A8	110338	GD KT&PL	4,6		
25	Nguyễn Ngọc Nam Đức	11A2	110083	Hóa học	4,5	4,8	
26	Lê Thị Khánh Linh	11A4	110149	Hóa học	4,8	4,8	
27	ngô hải my	11A4	110179	Hóa học	4,9	4,9	
28	Bùi Minh Đạt	11A1	110072	Lịch sử	4,5	4,5	
29	Cao Phi Long	11A5	110160	Lịch sử	0	0	Tô sai Mã đề trừ 100% điểm
30	Nguyễn Minh Quang	11A6	110258	Lịch sử	4,9	4,8	
31	Thiều Thị Mai Trúc	11A3	110341	Lịch sử	4,9	4,9	
32	Phạm Duy Quốc Thái	11A1	110272	Ngữ Văn	4,3		

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	Môn thi	Điểm vnedu	Điểm phúc khảo	Ghi chú
33	Mai Nguyễn Thanh Duy	11A8	110059	Sinh học	0	0	Tô sai Mã đề trừ 100% điểm
34	Lê Thị Khánh Nhi	11A8	110219	Sinh học	6	6,3	
35	Trần Đăng Phát	11A1	110243	Sinh học	4,6	3	Tô sai SBD trừ 50% điểm
36	Lê Thị Thanh Tuyền	11A1	110351	Sinh học	6,8	7,3	
37	Bùi Ái Vy	11A1	110362	Sinh học	4,2	4,2	Tô sai SBD trừ 50% điểm
38	Vũ Trần Quốc Anh	11A3	110026	Toán	3,3	3,3	
39	Thiều Thị Hồng Ánh	11A3	110031	Toán	5,9	5,9	
40	Nguyễn Phan Hữu Danh	11A1	110051	Toán	3,7	3,7	Tô sai SBD trừ 50% điểm
41	Nguyễn Thị Mai Hương	11A8	110128	Toán	3,4	3,4	
42	Nguyễn đình anh khang	11A2	110131	Toán	4,6	4,6	
43	Bùi Thị Thanh Trúc	11A6	110337	Toán	5,8	5,8	
44	Nguyễn Tuấn Tú	11A6	110346	Toán	6,8	6,8	
45	Lê Phạm Như Uyên	11A9	110353	Toán	4,1	4,1	
46	Nguyễn Đức chính	11A3	110045	Vật lí	3,3	3,3	Tô sai SBD trừ 50% điểm
47	Trần Hoa Ngọc Hà	11A9	110087	Vật lí	6,3	6,3	
48	Trịnh Minh Hải	11A9	110090	Vật lí	6,1	6,1	
49	Lê Thị Khánh Linh	11A4	110149	Vật lí	6	6	
50	nguyễn thị hoàng mai	11A5	110171	Vật lí	2,8	2,8	Tô sai SBD trừ 50% điểm
51	Ngô Hải My	11A4	110179	Vật lí	5,6	5,6	
52	Phạm Nguyễn Quỳnh Như	11A9	110236	Vật lí	8	8	
53	Nguyễn Minh Quang	11A6	110258	Vật lí	4,8	???	
54	Lê Phạm Như Uyên	11A9	110353	Vật lí	6,3	???	